Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **27**/2022/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 23 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 149, 150, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 40, 43, 44 và 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Bà Vũ Thị T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số nhà 09, tổ 7, khu phố 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Phan H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số nhà 09, tổ 7, khu phố 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời trình bày của bà Vũ Thị T và ông Phan H tại hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: ông bà tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 32, quyển số

02/2000, ngày 22 tháng 5 năm 2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất nên hay xảy ra xung đột và không còn tôn trọng nhau. Cả hai đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Phan Trọng H, sinh ngày 22/01/2001 và cháu Phan Trọng Đ, sinh ngày 12/9/2005. Hiện cháu Đ đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bà Vũ Thị T và ông Phan H thỏa thuận giao cháu Đ cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự: ông, bà mỗi người phải chịu theo quy định.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của đương sự và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị T và ông Phan H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: bà T, ông H có 02 con chung là cháu Phan Trọng H, sinh ngày 22/01/2001 và cháu Phan Trọng Đ, sinh ngày 12/9/2005. Hiện cháu Đ đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bà Vũ Thị T và ông Phan H thỏa thuận giao cháu Đ cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Phan H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: bà Vũ Thị T và ông Phan H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: bà Vũ Thị T và ông Phan H mỗi người tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo 02 Biên lai thu số 0004251, 0004252 cùng ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà T, ông H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (02).

THẨM PHÁN
(đã ký tên,đóng dấu)

Võ Xuân Sơn